

BỘ Y TẾ
VIỆN VỆ SINH DỊCH TỄ TRUNG ƯƠNG

Biểu mẫu 18

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế năm học 2023-2024

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô NCS hiện tại
		Tiến sĩ
	Tổng số	
1	Khối ngành IV	12 NCS
2	Khối ngành VI	73 NCS

B. Công khai thông tin về NCS tốt nghiệp (năm 2023)

STT	Khối ngành	Số NCS tốt nghiệp
	Tổng số	
1	Khối ngành IV	02
2	Khối ngành VI	10

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

1. Khung chương trình đào tạo ngành Dịch tễ học:

TT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
1		Các học phần bổ sung		1
1.1		<i>NCS chưa có bằng thạc sĩ hoặc có bằng thạc sĩ không thuộc ngành đúng hoặc ngành phù hợp</i>	Theo quy định của cơ sở đào tạo thạc sĩ	
		Toàn bộ chương trình thạc sĩ ngành Dịch tễ học		
1.2		<i>NCS đã có bằng thạc sĩ ngành phù hợp</i>	Theo quy định của cơ sở đào tạo thạc sĩ	
	ThS.1	Dịch tễ học nâng cao		
	ThS.2	Dịch tễ học các bệnh phổ biến		
	ThS.3	Thống kê và tin học y học		
	ThS.4	Sức khỏe môi trường		
2		Các học phần trình độ tiến sĩ	16	1-2

TT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
2.1	<i>Học phần bắt buộc</i>		13	
	TS.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	4	
	TS.2	Đánh giá sức khỏe cộng đồng	3	
	TS.3	Đánh giá nguy cơ	3	
	TS.4	Đánh giá can thiệp	3	
2.2	<i>Học phần tự chọn (chọn 1 trong các học phần sau)</i>		3	
	TS.5a	Giám sát dịch tễ học và điều tra vụ dịch	3	
	TS.5b	Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm	3	
	TS.5c	Dịch tễ học các bệnh không lây nhiễm	3	
	TS.5d	Dịch tễ học sức khỏe môi trường, sức khỏe nghề nghiệp	3	
	TS.5e	Quản lý và phân tích số liệu	3	
3	<i>Đề cương chi tiết</i>		6	
4	<i>Chuyên đề tiến sĩ</i>		6	
	CĐ1	Chuyên đề 1: Thực trạng vấn đề sức khỏe cộng đồng	2	
	CĐ2	Chuyên đề 2: Các yếu tố nguy cơ đối với bệnh tật	2	
	CĐ3	Chuyên đề 3: Hiệu quả các biện pháp/mô hình can thiệp	2	
5	<i>Luận án Tiến sĩ</i>		80	
	Tổng số tín chỉ (2+3+4+5)		108	

2. Khung chương trình đào tạo ngành Khoa học y sinh

STT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
1. Các học phần bổ sung				1
1.1.	NCS chưa có bằng Thạc sĩ: Học toàn bộ chương trình thạc sĩ ngành Khoa học y sinh		<i>Tối thiểu 30 tín chỉ</i>	
1.2.	Đối với NCS có bằng Ths chuyên ngành gần: Học bổ sung			
	ThS.1	Sinh học phân tử tế bào	Theo quy định của cơ sở đào tạo Thạc sĩ	
	ThS.2	Vi sinh y học		
	ThS.3	Miễn dịch học		
2. Các học phần trình độ Tiến sĩ			16	1-2

STT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
2.1. Các học phần bắt buộc: 4 học phần (13 tín chỉ)				
2.2.1	TS.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Khoa học y sinh	4	
2.2.2	TS.2	Quản lý và phân tích số liệu trong nghiên cứu y sinh học	3	
2.2.3	TS.3	Sinh học phân tử ứng dụng	3	
2.2.4	TS.4	Vắc xin và các chế phẩm sinh học	3	
2.2. Các học phần tự chọn (3 tín chỉ). Chọn 1 trong số những học phần dưới đây				
2.2.1	TS.5a	Ứng dụng tin sinh học trong nghiên cứu sinh học phân tử và di truyền	3	
2.2.2	TS.5b	Vi rút y học nâng cao	3	
2.2.3	TS.5c	Vi khuẩn y học nâng cao	3	
2.2.4	TS.5d	Miễn dịch học ứng dụng	3	
3	Đề cương chi tiết		6	
4	Các chuyên đề Tiến sĩ		6	
4.1	CD1	Chuyên đề 1: Tổng quan về vi sinh y học	2	
4.2	CD2	Chuyên đề 2: Phương pháp nghiên cứu về vi sinh y học	2	
4.3	CD3	Chuyên đề 3: Đặc điểm dịch tễ học phân tử của vi sinh gây bệnh	2	
5	Luận án Tiến sĩ		80	1-3/4
	Tổng số tín chỉ (2+3+4+5)		108	

3. Khung chương trình đào tạo ngành Y học dự phòng

STT	Mã số	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm
1. Các học phần bổ sung				1-2
1.1. NCS chưa có bằng Thạc sĩ: Học toàn bộ chương trình thạc sĩ ngành Y học dự phòng			Tối thiểu 30 tín chỉ	
1.2. NCS có bằng Thạc sĩ ngành phù hợp			Theo quy định của cơ sở đào tạo Thạc sĩ	
	ThS.1	Dịch tễ học các bệnh lây và không lây		
	ThS.2	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm		
	ThS.1	Sức khỏe môi trường		
	ThS.2	Sức khỏe nghề nghiệp		
2. Các học phần trình độ Tiến sĩ				
2.1	Các học phần bắt buộc: 4 học phần (14 tín chỉ)		13 TC	1-2
	TS.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	4	

STT	Mã số	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm
	TS.2	Quản lý và phân tích số liệu	3	
	TS.3	Hành vi sức khỏe và nâng cao sức khỏe	3	
	TS.4	Quản lý hệ thống y tế	3	
2.2	Các học phần tự chọn (3 tín chỉ). Chọn 1 trong số những học phần dưới đây		3 TC	1-2
	TS.5a	Đánh giá sức khỏe cộng đồng	3	
	TS.5b	Đánh giá can thiệp		
	TS.5c	Dịch tễ học sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp		
	TS.5d	Dịch tễ học các bệnh không lây nhiễm		
	TS.5đ	Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm		
	TS.5e	Đánh giá nguy cơ		
	TS.5g	Giám sát dịch tễ học và điều tra vụ dịch		
	TS.5h	Kinh tế y tế		
	TS.5i	Quản lý chất lượng dịch vụ y tế		
	TS.5k	Quản lý dự án, chương trình y tế		
	TS.5l	Quản lý nguồn lực y tế		
	TS.5m	Lập kế hoạch y tế		
3	Đề cương chi tiết			
4.	Các chuyên đề tiến sĩ theo các hướng nội dung sau:		6	1- 2
	Chuyên đề 1: Thực trạng của vấn đề sức khỏe liên quan đến luận án		2	
	Chuyên đề 2: Các yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề sức khỏe liên quan đến luận án		2	
	Chuyên đề 3: Các giải pháp can thiệp vấn đề sức khỏe liên quan đến luận án		2	
5	Luận án Tiến sĩ		80	1-3/4
	Tổng số tín chỉ (2+3+4+5)		108	

4. Khung chương trình đào tạo ngành Y tế công cộng

STT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
1. Các học phần bổ sung				1-2
1.1. NCS chưa có bằng Thạc sĩ: Học toàn bộ chương trình thạc sĩ ngành Y tế công cộng			Tối thiểu 30 tín chỉ	
1.2. NCS có bằng thạc sĩ ngành phù hợp			Theo quy định của cơ sở đào tạo Thạc sĩ	
	ThS.1	Dịch tễ học		
	ThS.2	Thống kê y học		
	ThS.3	Tổ chức và quản lý y tế		
	ThS.4	Chọn 1 trong 4 môn: - Sức khỏe nghề nghiệp - Sức khỏe môi trường - Dinh dưỡng và VSATVSTP - Giáo dục và nâng cao sức khỏe		
2. Các học phần trình độ Tiến sĩ			13	1-2
2.1. Các học phần bắt buộc: 3 học phần (10 tín chỉ)				
	TS.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	4	
	TS.2	Quản lý và phân tích số liệu	3	
	TS.3	Đánh giá can thiệp	3	
	TS.4	Hành vi sức khỏe và nâng cao sức khỏe	3	
2.2. Các học phần tự chọn (2 tín chỉ). Chọn 1 trong số những học phần dưới đây				
	TS.5a	Kinh tế y tế	3	
	TS.5b	Sức khỏe toàn cầu	3	
	TS.5c	Đánh giá nguy cơ	3	
	TS.5d	Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm	3	
	TS.5đ	Kiểm soát bệnh do véc tơ truyền và động vật truyền		
	TS.5e	Kiểm soát bệnh không lây nhiễm	3	

STT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
	TS.5g	Dịch tễ học sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	3	
	TS.5h	Phân tích dịch tễ học chuyên sâu	3	
	TS.5i	Đánh giá sức khỏe cộng đồng	3	
3	Đề cương chi tiết		6	
4	Các chuyên đề Tiến sĩ		6	
	CD1	Chuyên đề 1: Thực trạng các vấn đề y tế công cộng liên quan đến luận án	2	
	CD2	Chuyên đề 2: Các yếu tố liên quan và nguy cơ	2	
	CD3	Chuyên đề 3: Các giải pháp can thiệp	2	
5	Luận án Tiến sĩ		80	1-3/4
	Tổng số tín chỉ (2+3+4+5)		108	

5. Khung chương trình đào tạo ngành Quản lý y tế

STT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
1. Các học phần bổ sung				
1.1.	NCS chưa có bằng Thạc sĩ: Học toàn bộ chương trình thạc sĩ ngành Quản lý y tế		<i>Tối thiểu 30 tín chỉ</i>	
1.2.	NCS có bằng thạc sĩ ngành phù hợp			
	ThS.1	Quản lý y tế	Tên môn học và chứng chỉ theo quy định của cơ sở đào tạo Thạc sĩ	
	ThS.2	Chính sách y tế		
	ThS.3	Quản lý chất lượng		
	ThS.4	Tổ chức hệ thống y tế		
2.	Các học phần trình độ Tiến sĩ		13	1-2
2.1. Các học phần bắt buộc: 3 học phần (13 tín chỉ)				
	TS.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	4	
	TS.2	Quản lý hệ thống y tế	3	
	TS.3	Quản lý và phân tích số liệu	3	

STT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
	TS.4	Đánh giá sức khỏe cộng đồng	3	
2.2. Các học phần tự chọn (3 tín chỉ). Chọn 1 trong số những học phần dưới đây				
	TS.4a	Quản lý chất lượng dịch vụ y tế	3	
	TS.4b	Quản lý Dự án, chương trình y tế	3	
	TS.4c	Quản lý nguồn lực y tế	3	
	TS.4d	Lập kế hoạch y tế	3	
	TS.4đ	Quản lý phòng xét nghiệm/thí nghiệm	3	
	TS.4e	Đánh giá can thiệp	3	
	TS.4g	Kinh tế y tế	3	
	TS.4h	Hành vi sức khỏe và nâng cao sức khỏe	3	
	TS.4i	Đánh giá nguy cơ	3	
		NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ LUẬN ÁN TIẾN SĨ		
3	Đề cương chi tiết		6	
4	Các chuyên đề Tiến sĩ		6	
	CD1	Chuyên đề 1: Thực trạng các vấn đề quản lý y tế	2	
	CD2	Chuyên đề 2: Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý y tế	2	
	CD3	Chuyên đề 3: Các biện pháp can thiệp về quản lý/chính sách y tế	2	
5	Luận án tiến sĩ		80	1-3/4
	Tổng số tín chỉ (2+3+4+5)		108	

6. Khung chương trình đào tạo ngành Vi sinh vật học

STT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
1. Các học phần bổ sung				
2.1.	NCS chưa có bằng Thạc sĩ: Học toàn bộ chương trình thạc sĩ ngành Vi sinh vật học		<i>Tối thiểu 30 tín chỉ</i>	
2.2.	NCS có bằng thạc sĩ ngành phù hợp			

STT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
	ThS.1	Sinh học phân tử tế bào	Tên môn học và chứng chỉ theo quy định của cơ sở đào tạo Thạc sĩ	
	ThS.2	Công nghệ sinh học VSV		
	ThS.3	Vi sinh vật học phân tử		
	ThS.4	Vi sinh vật học môi trường		
	ThS.5	Trao đổi chất ở vi sinh vật		
	ThS.6	Công nghệ protein tái tổ hợp		
	ThS.7	Công nghệ chế tạo sinh phẩm chẩn đoán		
3. Các học phần trình độ Tiến sĩ			16	1-2
2.1. Các học phần bắt buộc: 3 học phần (13 tín chỉ)				
	TS.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	4	
	TS.2	Quản lý và phân tích số liệu	3	
	TS.3	Vi rút học nâng cao	3	
	TS.4	Vi khuẩn học nâng cao	3	
2.2. Các học phần tự chọn (3 tín chỉ). Chọn 1 trong số những học phần dưới đây				
	TS.4a	Phát hiện và chẩn đoán nhiễm virus	3	
	TS.4b	Phát hiện và chẩn đoán nhiễm vi khuẩn	3	
	TS.4c	Công nghệ sản xuất vắc xin	3	
	TS.4d	Ứng dụng sinh học phân tử trong nghiên cứu vi sinh vật	3	
	TS.4đ	Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm	3	
3	Đề cương chi tiết		6	
4	Các chuyên đề Tiến sĩ		6	2
	CD1	Vi sinh vật đại cương	2	
	CD2	Các phương pháp nghiên cứu chuyên sâu	2	
	CD3	Chuyên đề tự chọn liên quan đến luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh	2	
5	Luận án tiến sĩ		80	1-3/4
	Tổng số tín chỉ (2+3+4+5)		108	

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Bệnh viêm não Nhật Bản	2010	
2	Virus Rota: Dịch tễ, miễn dịch và vắc xin	2010	
3	Nhiễm trùng bệnh viện	2010	
4	Virus Y học	2010	
5	Vi khuẩn y học	2011	
6	Mycobacterium Tuberculosis và các phương pháp nghiên cứu, chẩn đoán	2011	
7	Thực hành đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm vi sinh	2011	
8	Dịch tễ học nhiễm HIV/AIDS	2011	
9	Xét nghiệm một số vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm	2012	
10	Thực hành và quản lý phòng xét nghiệm	2012	
11	Cúm A/H1N1/09 đại dịch tại Việt Nam	2012	
12	Xét nghiệm chẩn đoán vi khuẩn (chương trình đào tạo nâng cao)	2012	
13	Xét nghiệm chẩn đoán vi rút (chương trình đào tạo nâng cao)	2012	
14	Dịch tễ học (giáo trình giảng dạy sau đại học)	2013	
15	Quy trình xét nghiệm vi sinh vật y học	2013	
16	Dịch tễ học phân tử virus viêm não Nhật Bản	2014	
17	Vi rút đại và các phương pháp chẩn đoán	2014	
18	Vi rút viêm não Nhật bản. Giám sát bệnh và các kỹ thuật xét nghiệm	2014	
19	Truyền thông nguy cơ phòng chống bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và mới nổi (tài liệu đào tạo dành cho giảng viên tuyến trung ương)	2016	
20	Truyền thông nguy cơ phòng chống bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và mới nổi (tài liệu đào tạo dành cho học viên tuyến cơ sở)	2016	
21	Truyền thông nguy cơ phòng chống bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và mới nổi (tài liệu	2016	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
	đào tạo dành cho học viên tuyển trung ương và tuyển tỉnh)		
22	Peple living with HIV in Vietnam. Factors Affecting rick taking, Health and help seeking behaviour	2016	
23	Tài liệu hướng dẫn giảng dạy xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em	2017	
24	Vi khuẩn lao: sự tiến hóa, kháng thuốc và các kỹ thuật sinh học phân tử	2017	
25	Thống kê Y sinh học ứng dụng (GT giảng dạy SĐH)	2017	
26	Phòng tránh các bệnh thường gặp theo mùa	2018	
27	Virus Cúm và phát triển vaccine Cúm tại Việt Nam (Sách chuyên khảo)	2018	
28	Hỏi - đáp về HPV và các bệnh liên quan	2019	
29	Chẩn đoán, điều trị và dự phòng nhiễm HPV và ung thư cổ tử cung	2019	
30	Vi rút Y học (Giáo trình giảng dạy sau đại học)	2020	
31	Nâng cao kỹ năng tư vấn và giải quyết các vấn đề sức khỏe cộng đồng	2020	
32	Phương pháp tính cỡ mẫu và chọn mẫu trong nghiên cứu y sinh học	2020	
33	Nâng cao kỹ năng tư vấn và giải quyết các vấn đề sức khỏe cộng đồng	2020	
34	Xoắn khuẩn vàng da: Dịch tễ, lâm sàng và chẩn đoán	2021	
35	Sốt xuất huyết Dengue và một số biện pháp dự phòng	2021	
36	Phương pháp nghiên cứu trong y sinh học	2021	
37	Dịch tễ học: Giáo trình bậc đại học	2021	
38	Giám sát và phòng chống côn trùng và động vật y học của một số bệnh phổ biến ở người	2021	
39	Chẩn đoán bệnh Covid-19 trong phòng thí nghiệm	2022	
40	Chẩn đoán bệnh Sốt xuất huyết Dengue trong phòng thí nghiệm	2022	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
41	Chẩn đoán bệnh Tay chân miệng trong phòng thí nghiệm	2022	
42	Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm	2023	
43	Dược thư quốc gia Việt Nam (tái bản lần 3)	2023	
44	Khuyến cáo lịch tiêm chủng vắc xin cho mọi lứa tuổi	2023	
45	Những điều cần biết về vắc xin COVID-19	2023	
46	Thực hành tiêm chủng an toàn	2023	

E. Công khai thông tin về luận án tốt nghiệp

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

Thời gian bảo vệ: từ tháng 01-12/2023

STT	Tên đề tài – Chuyên ngành, mã số	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đặc điểm sinh học phân tử của Escherichia coli mang gen mcr-1 kháng colistin phân lập từ người và vật nuôi, thực phẩm và nước tại xã Thanh Hà, Hà Nam, năm 2015. <i>Ngành: Vi sinh y học – 62 72 01 15</i>	Nguyễn Thị Tuyết Mai	1. TS. Trần Huy Hoàng – Viện VSDTTU 2. PGS.TS. Vũ Thị Tường Vân – Bệnh viện Bạch Mai	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ve-cac-ket-luan-moi-cua-luan-an-ncs-nguyen-thi-tuyet-mai
2	Xây dựng và kết quả thử nghiệm gói dịch vụ y tế cơ bản trong điều trị, quản lý tăng huyết áp và đái tháo đường tại Trạm Y tế xã, huyện Sóc Sơn, Hà Nội, 2017 – 2018. <i>Ngành: Y tế công cộng – 62 72 03 01</i>	Dương Đức Thiện	1. GS.TS. Vũ Sinh Nam - Viện VSDTTU 2. TS. Trần Thị Mai Oanh - Viện Chiến lược và chính sách y tế	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ket-luan-moi-cua-luan-an-ncs-duong-duc-thien
3	Thực trạng sốt xuất huyết dengue tại tỉnh Khánh Hòa và tính khả thi, tính chính xác của	Nguyễn Thành Đông	1. GS.TS. Vũ Sinh Nam - Viện VSDTTU 2. TS. Trần Đại Quang - Bộ Y tế	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ve-cac-ket-luan

STT	Tên đề tài – Chuyên ngành, mã số	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	hệ thống dự báo dựa vào vệ tinh. <i>Ngành: Y tế công cộng – 9 72 07 01</i>			moi-cua-luan-an-ncs-nguyen-thanh-dong
4	Đặc điểm dịch tễ học và một số yếu tố nguy cơ bệnh xoắn khuẩn vàng da trên người tại 3 tỉnh của Việt Nam, 2018-2019. <i>Ngành: Y tế công cộng – 9 72 07 01</i>	Nguyễn Thị Thu	1. PGS.TS. Lê Thị Phương Mai – Viện VSDTTU 2. PGS.TS. Hoàng Đức Hạnh – Sở Y tế Hà Nội	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ve-cac-ket-luan-moi-cua-luan-an-ncs-nguyen-thi-thu
5	Nghiên cứu kiểu gen HLA lớp I và đột biến gen HIV-1 liên quan đến tải lượng vi rút và số lượng tế bào CD4, Hà Nội, 2014-2016. <i>Ngành: Vi sinh vật học – 9 42 01 07</i>	Trần Thị Minh Tâm	1. PGS.TS. Nguyễn Thị Lan Anh – Viện VSDTTU 2. TS. Nguyễn Thùy Linh – Văn phòng Tổ chức FIND	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ve-cac-ket-luan-moi-cua-luan-an-ncs-tran-thi-minh-tam
6	Thực trạng nhiễm vi rút viêm gan B ở phụ nữ độ tuổi sinh đẻ khu vực Tây Bắc và hiệu quả một số biện pháp can thiệp dự phòng lây truyền mẹ con. <i>Ngành: Y học dự phòng – 9 72 01 63</i>	Trần Anh Tú	1. GS.TS. Nguyễn Trần Hiền – Viện VSDTTU 2. TS. Ngũ Duy Nghĩa – Viện VSDTTU	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ve-cac-ket-luan-moi-cua-luan-an-ncs-tran-anh-tu
7	Thực trạng, chủng vi khuẩn có liên quan đến bệnh sâu răng và kết quả điều trị bằng Silver diamine flouride 38% ở học sinh 6-7 tuổi tại trường tiểu học Võ Thị Sáu, thành phố Hải Dương. <i>Ngành: Dịch tễ học – 9 72 01 17</i>	Vũ Đình Tuyên	1. PGS.TS. Ngô Văn Toàn – Trường Đại học Y Hà Nội 2. PGS.TS. Hoàng Thị Thu Hà – Viện VSDTTU	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ve-cac-ket-luan-moi-cua-luan-an-ncs-vu-dinh-tuyen
8	Thực trạng và hiệu quả giải pháp can thiệp phòng chống tật khúc	Trịnh Quang Trí	1. GS.TS. Nguyễn Văn Tập – Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ve-cac-ket-luan-moi-cua-luan-an-ncs-trinh-quang-tri

STT	Tên đề tài – Chuyên ngành, mã số	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	xạ ở học sinh tiểu học dân tộc Khmer tại đồng bằng sông Cửu Long. <i>Ngành: Y học dự phòng – 9 72 01 63</i>		2. TS. Vũ Hải Hà – Viện VSDTTU	luan-moi-cua-luan-an-ncs-trinh-quang-tri
9	Thực trạng và một số yếu tố nguy cơ của bệnh than tại một số tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam, 2010 - 2022. <i>Ngành: Y học dự phòng – 9 72 01 63</i>	Phạm Văn Khang	1. PGS.TS. Trần Như Dương – Viện VSDTTU 2. PGS.TS. Phạm Quang Thái – Viện VSDTTU	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ve-cac-ket-luan-moi-cua-luan-an-ncs-trinh-quang-tri

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1					
2					

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức:

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Hội nghị khoa học NCS	Tháng 12/2023	Viện VSDTTU	80

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
Cấp Nhà nước						
1	Đánh giá ảnh hưởng của kháng thể tồn lưu kháng vi rút Dengue, viêm não Nhật Bản, zika đến khả năng nhiễm vi rút Dengue tại Việt Nam, Thái Lan và vai trò của kháng thể trung hoà phổ rộng mới	GS.TS. Lê Thị Quỳnh Mai		3/2023-12/2025	3.230	Đề tài nghiên cứu cơ bản – Đang thực hiện

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	đặc hiệu nhóm Flavivirus.					
2	Đặc điểm dịch tễ học, gánh nặng bệnh tật liên quan đến nhiễm HPV ở Việt Nam.	GS.TS. Đặng Đức Anh	Hợp tác song phương với Vương quốc Anh	01/10/2016-30/3/2019	3.670	Đề tài nghiên cứu cơ bản - Đã nghiệm thu
3	Đánh giá thực trạng kháng kháng sinh của vi khuẩn tại Việt Nam, xác định đặc điểm cấu trúc gen và yếu tố liên quan của các vi khuẩn kháng thuốc thường gặp ở Việt Nam.	TS. Trần Huy Hoàng (HNQT/SP ĐP/02.16)		10/01/16-30/3/2019	3.820	Đề tài nghiên cứu cơ bản - Đã nghiệm thu
4	Dịch tễ học vi rút cossakie và echo gây bệnh chân tay miệng tại các tỉnh miền Bắc, Việt Nam, 2013-2017. (Đề tài nhánh cấp Nhà nước)	TS. Trần Thị Nguyễn Hòa		4/2017-01/04/19	1.350	Đề tài nghiên cứu cơ bản - Đã nghiệm thu
5	Nghiên cứu khả năng phát tán và nguy cơ gây bệnh tiêu chảy của Cryptosporidium trong chất thải Biogas ở các hộ gia đình tại Bắc Giang (108.04-2018.09)	TS. Nguyễn Thùy Trâm		12/2018-12/2022	1.200	Đề tài nghiên cứu cơ bản - Đã nghiệm thu
6	Phân tích quần thể gen kháng kháng sinh và mối liên quan đến tỉ lệ mang gen NDM và MCR-1 kháng kháng sinh từ các ổ chứa ở cộng đồng tỉnh Hà Nam, Việt Nam.	TS. Trần Huy Hoàng		9/2018-8/2022	1.225	Đề tài nghiên cứu cơ bản - Đã nghiệm thu
Cấp Bộ và thành phố						
1	Nghiên cứu chế tạo bộ kit quantitative realtime PCR (qPCR) định lượng vi khuẩn Fusobacterium nucleatum (Fn) trong mẫu phân góp phần chẩn	ThS. Hà Thị Phương Mai		7/2021-7/2024	1.650	Đề tài nghiên cứu cơ bản - Đang thực hiện

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	đoán ung thư đại trực tràng trên địa bàn Hà Nội.					
2	Nghiên cứu một số đặc điểm dịch tễ và gánh nặng chi phí điều trị của viêm não vi rút tại 3 tỉnh Tây Bắc Việt Nam, 2017-2018.	PGS. TS. Trần Như Dương		6/2017-6/2020	2.940	Đề tài nghiên cứu cơ bản – Đã nghiệm thu
3	Nghiên cứu chế tạo chứng dương ARN kháng RNase (Armored RNA) cho RT-PCR, ứng dụng trong phát hiện nhiễm virus Zika tại Hà Nội.	Ths. Đỗ Quỳnh Nga		01/2018-8/2020	1.750	Đề tài nghiên cứu ứng dụng – Đã nghiệm thu
4	Nghiên cứu chế tạo một số bộ mẫu chuẩn (panel), nhằm kiểm soát chất lượng xét nghiệm sinh học phân tử và huyết thanh học phát hiện các tác nhân virus cúm và dengue tại một số cơ sở y tế Hà Nội.	Ths. Vũ Thị Kim Liên		8/2017-7/2020	1.450	Đề tài nghiên cứu cơ bản – Đã nghiệm thu
Cấp Viện						
1	Thực trạng mắc triệu chứng hậu COVID 19 ở trẻ 12-18 tuổi tại tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam, năm 2023.	ThS. Nguyễn Công Khanh		12/2022-6/2024	35,5	Đề tài nghiên cứu cơ bản – Đang thực hiện
2	Nghiên cứu đặc điểm sinh học phân tử của Klebsiella pneumoniae và Bacteroides fragilis gây áp xe gan tại bệnh viện Bạch Mai.	ThS. Lê Thị Trang		5/2022-5/2023	100	Đề tài nghiên cứu cơ bản – Đang thực hiện
3	Tình trạng trầm cảm sau sinh và các yếu tố liên quan của bà mẹ có con dưới 12 tháng tuổi đến khám và điều trị tại bệnh viện Nhi Hải Dương.	ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh		5/2022-3/2024	40,2	ĐTNC cơ bản – Đang thực hiện

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
4	Xác định vi khuẩn lao đột biến kháng thuốc bằng phương pháp giải trình tự whole genome sequencing.	TS. Phạm Thị Kim Liên	Tổ chức PATH	02/2022-6/2024	231	ĐTNC cơ bản – Đang thực hiện
5	Đánh giá mẫu giấy thấm tách huyết tương cobas® plasma separation card trong xét nghiệm tải lượng HIV trên thực địa tại Việt Nam.	Nguyễn Thị Thanh Bình	Viện Pasteur Paris	12/2021-12/2023	778	ĐTNC cơ bản – Đang thực hiện
6	Xác định cụm lây truyền HIV đang xảy ra bằng phương pháp phân tích cây gia hệ và đột biến kháng thuốc cho hoạt động đáp ứng y tế công cộng tại Việt Nam.	TS Phạm Hồng Thắng	CDC Mỹ	12/2021-6/2024	1011	ĐTNC cơ bản – Đang thực hiện
7	Thực trạng sự sẵn có thuốc thiết yếu trong điều trị tăng huyết áp, đái tháo đường tại một số trạm y tế xã, 2020.	ThS. Tạ Ngọc Hà ThS. Tạ Minh Khuê	Tổ chức PATH	02/2022-12/2022	300	ĐTNC cơ bản – Đã nghiệm thu
8	Nghiên cứu phát hiện vi rút polio và một số vi rút đường ruột trong mẫu nước thải thu thập ngoài môi trường, 2020-2021.	TS. Trần Thị Nguyễn Hoà TS. Vũ Hải Hà	WHO	06/2021-7/2022	690	ĐTNC cơ bản – Đã nghiệm thu
9	Thực trạng sức khoẻ tâm thần ở nhân viên y tế dự phòng tham gia hoạt động phòng chống dịch Covid-19 tại Việt Nam.	TS. Phạm Quang Thái		01/2021-12/2021	25,5	ĐTNC cơ bản – Đã nghiệm thu
10	Đặc điểm sinh học phân tử của vi rút SARS-CoV-2 lưu hành tại miền Bắc Việt Nam, 2020-2021.	ThS. Ứng thị Hồng Trang THS. Nguyễn Vũ Sơn		06/2021-03/2022	100	ĐTNC cơ bản – Đã nghiệm thu

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
11	Đánh giá đáp ứng miễn dịch với vắc xin bại liệt bất hoạt IPV ở trẻ từ 5-11 tháng tuổi tại tỉnh Thanh Hóa.	GS. Đặng Đức Anh TS. Đặng Thị Thanh Huyền		03/2020-12/2021	198,728	ĐTNC cơ bản – Đã nghiệm thu
Đề tài Hợp tác Quốc tế						
1	Nâng cao năng lực y tế công cộng thiết yếu khu vực miền Bắc Việt Nam giai đoạn 2021-2026	CDC Hoa Kỳ		2021-2026		
2	Đánh giá mẫu giấy thấm tách huyết tương Cobas plasma separation card trong xét nghiệm tải lượng HIV trên thực địa tại Việt Nam (MOVIDA 1 ter)	Viện Pasteur Paris		3/2022-3/2023		
3	Giám sát và đáp ứng với cúm gia cầm và cúm đại dịch tại Việt Nam	CDC Hoa Kỳ		19/1/2023-29/9/2026		
4	Xác định nguồn gốc, sự lây truyền và phát tán của chủng coronavirus SARS-CoV-2 trên động vật và côn trùng tại Việt Nam, 2022-2023	Viện Pasteur Paris		2/2023-12/2023		
5	Xây dựng công cụ dự báo thân thiện với người dùng trong phòng chống sốt xuất huyết Dengue ở Việt Nam	Đại học Queensland, Úc		2023-2027		
6	Tăng cường tiếp cận xét nghiệm tải lượng vi rút cho bệnh nhân điều trị ARV ở vùng sâu, vùng xa sử dụng mẫu giấy thấm giọt máu kho (MOVIDA Hep2-CE)	ANRS/MIE, CH Pháp, công ty Abbott Hoa Kỳ		6/2023-6/2026		

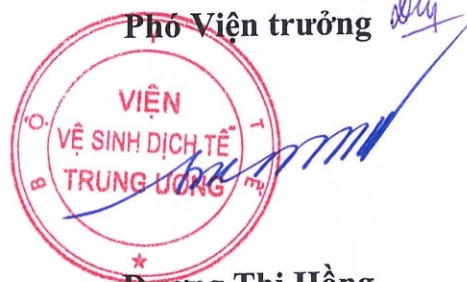
K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1							
2							

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2024

KT. Viện trưởng

Phó Viện trưởng



Đương Thị Hồng